

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Từ ngày: 8-Aug-19
Tới ngày: 14-Aug-19

Tên Công ty quản lý quỹ: **Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM)**
Tên Ngân hàng giám sát: **Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**
Tên Quỹ: **Quỹ Đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bên vững SSI (SSI-SCA)**
Ngày định giá: **Ngày 15 tháng 08 năm 2019**
Ngày giao dịch: **Ngày 15 tháng 08 năm 2019**

Thông tư số 183/2011/TT-BTC, Phụ lục số 24

STT	Nội dung	Tên sheet
1	Giá trị tài sản ròng của quỹ	GiaTriTaiSanRong_06126
2	Phản hồi của Ngân hàng giám sát	PhanHoiNHGS_06281

Ghi chú Không đổi tên sheet
Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã chỉ tiêu".

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Vũ Hương Giang
Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

Tên quỹ mở	Giá dịch vụ phát hành (% giá trị giao dịch)	Giá dịch vụ mua lại (% giá trị giao dịch)	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá (NAV)	Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước	Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)	Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm		Tỷ lệ sở hữu của NĐT NN		
						Mức cao nhất (VND)	Mức thấp nhất (VND)	Số lượng đơn vị quỹ	Tổng giá trị tại ngày giao dịch	Tỷ lệ sở hữu
Quỹ Đầu tư Lợi thế Canh tranh Bền vững SSI / SSI Sustainable Competitive Advantage Fund (SSI-SCA)	0% - 0.75%	0% - 2%	18.786,87	18.348,04	2,39%	19.637,89	16.896,37	3.911.770,21	73.489.918.405	19,11%

STT	Tham chiếu	Nội dung
1	A	
2	B	
3	C	



Phụ lục 26. Mẫu báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
Appendix 26. Report on change of Net Asset Value, trading of Fund Certificate

(Ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)
(Issued in association with Circular 183/2011/TT-BTC dated 16 Dec 2011 guiding establishment and management of the Open-Ended Fund)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE, TRADING OF FUND CERTIFICATE

Từ ngày 08 tháng 08 năm 2019 đến ngày 14 tháng 08 năm 2019 / From 08 Aug 2019 to 14 Aug 2019

Tên Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company:
Tên ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Tên Quỹ:
Fund name:
Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
SSI Asset Management Company Limited
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
Quỹ Đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI
SSI Sustainable Competitive Advantage Fund (SSI-SCA)
Ngày 15 tháng 08 năm 2019
15-Aug-2019

STT No	Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo ngày 14 tháng 08 năm 2019 For the period ended 14 Aug 2019	Kỳ báo cáo ngày 07 tháng 08 năm 2019 For the period ended 07 Aug 2019
I	I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period	4060	348.114.806.997	333.568.670.349
II	II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó: Change of NAV during the period (= II.1 + II.2), of which:	4061	8.961.480.250	1.437.542.285
II.1	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	4062	8.961.480.250	1.437.542.285
II.2	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	4063	-	-
III	III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 + III.2) Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate (= III.1 + III.2)	4064	27.490.273.395	13.108.594.363
III.1	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ <i>Increase from Subscription of Fund Certificate</i>	4065	31.936.432.747	14.737.690.489
III.2	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ <i>Decrease from Redemption of Fund Certificate</i>	4066	(4.446.159.352)	(1.629.096.126)
IV	IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III) NAV at the end of period (= I + II + III)	4067	384.566.560.642	348.114.806.997

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Vũ Hương Giang
Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI